TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST Ngày 26-4-2019 V/v chia tài sản sau khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Công Du;
2. Bà Bùi Thu Lan.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 400/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện AL, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện AL, thành phố HP, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986, trú tại: Thôn P, xã T, huyện AL, thành phố HP, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau từ năm 2012 do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện AL, thành phố HP. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị H đã có đơn xin ly hôn anh Q. Tại Quyết định số 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng chị H và anh Q đã thuận tình ly hôn. Về tài sản chung chị H và anh Q tự thỏa thuận. Do chị H và anh Q không thỏa thuận được việc chia tài sản chung nên chị làm đơn khởi kiện đề

nghị Tòa án giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn Q gồm 01 nhà xây cấp 4 có diện tích 25m^2, công trình phụ khép kín, phía trước nhà có 01 lán xây gạch ba banh, lợp tôn mạ màu có diện tích 35m^2, toàn bộ công trình xây dựng trên diện tích đất 116,0m^2, tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 171-B-1, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện AL, thành phố HP. Đất ở đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CD 790276, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH0157/AL, ngày 03 tháng 6 năm 2016 mang tên người sử dụng là Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị H. Tài sản trên do công sức của chị và anh Q tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết chia cho chị được quyền quản lý, sử dụng nhà đất trên và chị có trách nhiệm trả tiền chênh lệch tài sản sang cho anh Q vì hiện nay hai mẹ con chị không có nơi ở phải thuê nhà trọ, con chung là Nguyễn Bảo N chuẩn bị vào học lớp một cần có nơi ở ổn định để đảm bảo việc học tập của cháu.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị H việc vợ chồng chung sống do mâu thuẫn và đã thuận tình ly hôn tại Quyết định số 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng và anh thống nhất về tài sản chung của anh và chị H trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 nhà xây cấp 4 lợp tôn mạ màu, công trình phụ khép kín, phía trước nhà có 01 lán tôn mạ màu, toàn bộ công trình xây dựng trên diện tích đất 116,0m^2, tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 171-B-1, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện An Lão, Hải Phòng. Đất ở đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CD 790276, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH0157/AL, ngày 03 tháng 6 năm 2016 mang tên người sử dụng là Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị H. Ngoài ra anh và chị H không còn tài sản chung nào khác. Chị H yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn, anh nhận ở nhà đất trên và trả tiền chênh lệch tài sản sang cho chị H. Tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 4 năm 2019 anh Q có ý kiến nhường chị H và con chung là Nguyễn Bảo N ở nhà đất trên và anh chuyển đi nơi khác ở với điều kiện chị H và con chung chỉ được ở không được chuyển nhượng, không được cho ai sống cùng tại nhà đất trên.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 25 tháng 01 năm 2019 chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q đã thống nhất thỏa thuận với nhau tài sản chung là nhà đất tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 171-B-1, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện AL, thành phố HP có tổng giá trị là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), trong đó giá trị đất 116m^2 x 3.000.000đ/1m^2 = 348.000.000đ (ba trăm bốn mươi tám triệu đồng); tài sản trên đất gồm 01 căn nhà cấp 4 xây năm 2016, xây gạch ba banh, tường 110, mái lợp tôn mạ màu kẽm có diện tích là 4,6m x 4,6m = 21,16m^2 ; 01 lán lợp tôn mạ

màu kẽm phía trước nhà xây năm 2016, tường 110 xây gạch ba banh có diện tích là 4,6m x 7m = 32,2m^2, có trị giá là 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; Điều 147; khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền quản lý và sử dụng 01 căn nhà cấp 4 xây năm 2016, xây gạch ba banh, mái lợp tôn mạ màu kẽm có diện tích là 4,6m x 4,6m = 21,16m^2 ; 01 lán lợp tôn mạ màu kẽm phía trước nhà xây năm 2016, tường 110 xây gạch ba banh có diện tích là 4,6m x 7m = 32,2m^2. Tài sản nhà và lán nằm trên diện tích đất 116,0m2, tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 171-B-1, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện AL, thành phố HP. Đất ở đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03 tháng 6 năm 2016 mang tên chủ sử dụng là Ngyễn Văn Q và Nguyễn Thị H có trị giá là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và chị H có trách nhiệm trả tiền chệnh lệch cho anh Q là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); về án phí: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q mỗi người phải nộp án phí chia tài sản chung là 10.000.000đ (mười triệu đồng);về chi phí định giá tài sản: Chị H và anh Q mỗi người phải chịu phần chi phí định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà chị H và anh Q được chia. Chị H nhận nộp cả chi phí định giá tài sản, chị không yêu cầu anh Q nộp chi phí định giá tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Trên cơ sở lời khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án thấy rằng nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn Q thống nhất có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 nhà cấp 4 xây dựng năm 2016, tường 110, xây gạch ba banh, mái lợp tôn mạ màu kẽm có diện tích là 4,6m x4,6m = 21,16m^2, phía trước nhà có 01 lán tôn mạ màu kẽm, tường 110, xây gạch ba banh, xây năm 2016 có diện tích 4,6m x 7m = 32,2m^2, toàn bộ công trình xây dựng trên diện tích đất 116,0m^2, tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 171-B-1, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện AL, thành phố HP. Đất ở đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CD 790276, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH0157/AL, ngày 03 tháng 6 năm 2016 mang tên người sử dụng là Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị H. Tại biên bản định giá tài sản ngày 25 tháng 01 năm 2019, chị H và anh Q thống nhất thỏa thuận giá trị quyền sử dụng đất 116,0m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 171-B-1, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện AL, thành phố HP có giá trị là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng); trong đó giá trị quyền sử dụng đất 116,0m^2 x 3.000.000đ/m^2 = 348.000.000đ (ba trăm bốn mươi tám triệu đồng); tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 và 01 lán tôn phía trước nhà trị giá là 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng). Tại phiên tòa chị H và anh Q thống nhất giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Tài sản này có trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh Q, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật không phải chứng minh.

[3] Thực tế chị H và anh Q đã ly hôn, hiện nay anh Q là người đang quản lý tài sản chung là nhà đất tại thửa số 57, tờ bản đồ số 171-B-1, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện AL, thành phố HP. Chị H đề nghị được sử dụng, định đoạt nhà đất trên để chị và con chung của chị và anh Q là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2003 có nơi ở ổn định để cháu N chuẩn bị vào học lớp 1 đảm bảo việc học tập của cháu vì hiện nay mẹ con chị đang ở nhà trọ và tại phiên tòa hôm nay chị H chuẩn bị đủ số tiền để trả anh Q. Anh Q ý kiến đề nghị được quản lý, sử dụng nhà đất trên và anh có trách nhiệm trả tiền chênh lệch tài sản cho chị H. Nếu chị H và con chung có nhu cầu ở nhà đất trên anh đồng ý nhường chị H và con chung là Nguyễn Bảo N và anh chuyển đi nơi khác ở với điều kiện chị H và con chung chỉ được ở không được chuyển nhượng, không được cho ai sống cùng tại nhà đất trên.

[4] Xét tài sản chung của chị H và anh Q có trong thời kỳ hôn nhân và hiện nay anh Q đang quản lý, sử dụng. Chị H hiện đang nuôi con chung của chị và anh Q là cháu Nguyễn Bảo N không có nơi ở phải thuê nhà trọ, chị đề nghị được sử dụng nhà đất để có nơi ở ổn định cho con chuẩn bị vào học lớp 1 là cần thiết có căn

cứ cần xem xét. Bản thân anh Q hiện sống một mình, có sức khỏe có điều kiện tìm một nơi ở mới. Đối với diện tích đất của chị H và anh Q phía trước giáp với mặt đường thôn có chiều rộng là 4,47m, phía sau đất có chiều rộng là 4,7m, nếu chia đôi mỗi người sử dụng ½ nhà đất rất bất tiện không phù hợp với thực tế mà cần xem xét chia nhà đất cho một bên sử dụng và trả tiền cho bên kia là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; về nguyên tắc giải quyết tài sản chung của vợ chồng: " *Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi…*; " *Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch*" và theo quy định tại khoản 4 Điều 213 của Bộ luật Dân sự quy định: " *Tài sản chung của vợ chồng có thể phân chia theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của Tòa án*". Vì vậy Hội đồng xét xử giao cho chị Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 công trình phụ khép kín và 01 lán tôn phía trước nhà được xây dựng trên diện tích đất 116,0m^2, tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 171-B-1, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện AL, thành phố HP, diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CD 790276, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH0157/AL, ngày 03 tháng 6 năm 2016 mang tên người sử dụng là Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị H, chị H có trách nhiệm trả tiền chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Văn Q là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) là có căn cứ phù hợp với pháp.

- Về án phí, chi phí tố tụng:

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo phần tài sản mỗi bên được chia là 200.000.000đ x 5% = 10.000.000đ (mười triệu đồng).

[6] Về chi phí định giá tài sản: Căn cứ vào khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q mỗi người phải chịu phần chi phí định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà chị H và anh Q được chia nhưng chị H nhận nộp cả chi phí định giá tài sản chị không yêu cầu anh Q phải nộp chi phí định giá tài sản nên được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng chị H đã nộp 5.000.000đ (năm triệu đồng). Chị H đã nộp đủ tiền chi phí định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 165 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 213 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 29; Điều 33; khoản 1, 2, 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Q.

Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt tài sản gồm: 01căn nhà cấp 4 có diện tích sử dụng 21,16m^2, công trình phụ khép kín; 01 lán tôn mạ màu kẽm phía trước nhà có diện tích 32,2m^2, xây trên diện tích đất 116,0m^2, tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 171-B-1, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện AL, thành phố HP, diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CD 790276, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH0157/AL, ngày 03 tháng 6 năm 2016 mang tên người sử dụng là Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị H, có vị trí như sau:

- Phía Đông giáp đường thôn từ mốc 3 đến mốc 4, có chiều rộng là 4,47m;

- Phía Tây giáp đất lúa của bà Nguyễn Thị H từ mốc 1 đến mốc 2, có chiều rộng là 4,7m;

- Phía Nam giáp nhà bà Nguyễn Thị H từ mốc 1 đến mốc 4, có chiều dài là 25,0m;

- Phía Bắc giáp nhà anh Dương Quang L từ mốc 2 đến mốc 3, có chiều là dài 25,0m.

(*có sơ đồ kèm theo*)

Chị Nguyễn Thị H phải trả tiền chênh lệch chia tài sản cho anh Nguyễn Văn Q là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Anh Nguyễn Văn Q có trách nhiệm chuyển toàn bộ tài sản, đồ dùng sinh hoạt của mình hiện đang để ở căn nhà tại thửa đất số số 57, tờ bản đồ số 171-B-1; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện AL, thành phố HP để trả nhà đất cho chị Nguyễn Thị H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí chị H đã nộp là 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai số 0017025 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố

Hải Phòng, chị Nguyễn Thị H còn phải nộp 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000đ (mười triệu đồng)

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hạn thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn